Số: 2140/TB-TGĐ/2021 *Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2021*

**THÔNG BÁO**

***V/v: Áp dụng chính sách ưu đãi phí chuyển tiền qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng trong nước***

***Kính gửi:* Các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống**

* *Căn cứ Tờ trình số 109/P.TT&PTSP-KHCN/21 ngày 6/9/2021 V/v Điều chỉnh giảm phí chuyển tiền đi thanh toán điện tử liên ngân hàng trong nước.*

Nhằm hỗ trợ, đồng hành cùng khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn trong tình hình dịch Covid-19 vẫn diễn biến rất phức tạp trên cả nước, Tổng Giám đốc thông báo về việc áp dụng chính sách ưu đãi phí chuyển tiền thanh toán điện tử liên ngân hàng trong nước dành cho khách hàng cá nhân, chi tiết như sau:

1. Mức ưu đãi: Giảm 50%[[1]](#footnote-1) phí chuyển tiền qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng trong nước (kênh Citad, kênh BIDV) theo Biểu phí hiện hành của VietABank.
2. Kênh giao dịch áp dụng:
3. Quầy giao dịch VietABank;
4. Ngân hàng trực tuyến Ebanking VietABank.
5. Đối tượng ưu đãi: Tất cả các khách hàng cá nhân của VietABank.
6. Thời gian áp dụng: Từ ngày **6/9/2021 đến hết ngày 30/6/2022.**
7. Mức giảm phí cụ thể như bảng dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kênh chuyển tiền** | **Loại tài khoản** | **Loại giao dịch** | **Mức phí hiện tại** | **Mức phí sau điều chỉnh** |
| BIDV | Áp dụng với tất cả các loại tài khoản thanh toán. | Cùng Tỉnh/Thành phố | 0.02% (Min 10.000 VND; Max 1.000.000 VND). | 0.01% (Min 10.000 VND; Max 1.000.000 VND). |
| Khác Tỉnh/Thành phố | 0.04% (Min 20.000 VND; Max 1.000.000 VND). | 0.02% (Min 20.000 VND; Max 1.000.000 VND). |
| Citad | Tài khoản thông thường | Cùng Tỉnh/Thành phố | 0.02% (Min 10.000 VND; Max 1.000.000 VND). | 0.01% (Min 10.000 VND; Max 1.000.000 VND). |
| Khác Tỉnh/Thành phố | 0.04% (Min 20.000 VND; Max 1.000.000 VND). | 0.02% (Min 20.000 VND; Max 1.000.000 VND). |
| Tài khoản Combo 1 và Payroll 1 (Kênh NHS và kênh quầy bằng hình thức trích nợ từ TKTT) | Cùng Tỉnh/Thành phố | 0.02%\* Số tiền giao dịch, Min 4.000 VND/GD; Max: 500.000 VND/GD | 0.01%\* Số tiền giao dịch, Min 4.000 VND/GD; Max: 500.000 VND/GD |
| Khác Tỉnh/Thành phố | 0.02%\* Số tiền giao dịch, Min 4.000 VND/GD; Max: 1.000.000 VND/GD | 0.01%\* Số tiền giao dịch, Min 4.000 VND/GD; Max: 1.000.000 VND/GD |
| Tài khoản Combo 2 và Payroll 2 (Kênh NHS và kênh quầy bằng hình thức trích nợ từ TKTT) | Cùng Tỉnh/Thành phố | 0.015%\* Số tiền giao dịch, Min 2.000 VND/GD; Max: 500.000 VND/GD | 0.0075%\* Số tiền giao dịch, Min 2.000 VND/GD; Max: 500.000 VND/GD |
| Khác Tỉnh/Thành phố | 0.015%\* Số tiền giao dịch, Min 2.000 VND/GD; Max: 1.000.000 VND/GD | 0.0075%\* Số tiền giao dịch, Min 2.000 VND/GD; Max: 1.000.000 VND/GD |
| Nộp tiền mặt để chuyển đi ngoài hệ thống (kênh Citad, kênh BIDV) | Cùng Tỉnh/Thành phố | 0.03% (Min 20.000 VND; Max 1.000.000 VND). | 0.015% (Min 20.000 VND; Max 1.000.000 VND). |
| Khác Tỉnh/Thành phố | 0.07% (Min 20.000 VND; Max 1.500.000 VND). | 0.035% (Min 20.000 VND; Max 1.500.000 VND). |

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đơn vị liên hệ:

Phòng TT&PTSP- Khối KHCN (Email: khcn.ptsp@vietabank.com.vn)

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:  | **KT. TỔNG GIÁM ĐỐC****PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC** |
| * Các ĐVKD (để biết và thực hiện);
* Đăng S-office (để ban hành);
* Lưu: P.HC (1); K.KHCN (1)
 | **Cù Anh Tuấn** |

1. Nhưng đảm bảo mức phí sau khi giảm không thấp hơn mức phí tối thiểu theo quy định của VietABank [↑](#footnote-ref-1)